

BÁO CÁO

Về việc công bố thông tin báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 của Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Xây Dựng Tân Thuận dạng tóm lược

Căn cứ Khoản 2, Điều 13 Quy chế công bố thông tin, ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thành viên Công ty.

Tổng Giám đốc công bố thông tin báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu năm 2026 của Công ty dạng tóm lược như sau:

1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ năm 2026 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 01b-DN).
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ năm 2026 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 02b-DN).
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ năm 2026 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 03b-DN).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Văn phòng Thành ủy (để báo cáo)
- Hội đồng thành viên (để báo cáo);
- Kiểm soát viên (để báo cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc (để biết);
- Lưu: Phòng TC-KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
(1)	(2)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	647.604.826.391	690.609.500.618
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	70.759.870.051	123.702.062.759
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	86.309.000.000	81.536.799.949
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	150.603.526.275	145.517.773.086
IV. Hàng tồn kho	140	338.112.253.277	338.038.016.913
V. Tài sản ngắn hạn khác	160	1.820.176.788	1.814.847.911
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	225.936.913.885	226.975.412.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	17.872.851.375	17.872.851.375
II. Tài sản cố định	220	4.769.573.191	4.913.930.263
III. Bất động sản đầu tư	240	28.511.690.271	29.410.558.473
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250	174.671.255.153	174.487.936.635
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260		
VI. Tài sản dài hạn khác	270	111.543.895	290.135.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280	873.541.740.276	917.584.913.054
C . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	730.936.784.976	747.647.123.854
I. Nợ ngắn hạn	310	727.482.084.976	744.192.423.854
II. Nợ dài hạn	330	3.454.700.000	3.454.700.000
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	142.604.955.300	169.937.789.200
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	873.541.740.276	917.584.913.054

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Linh

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Đoàn Trang

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Tổng giám đốc

Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	
		30/06/2026	30/06/2025
(1)	(2)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9.824.571.974	17.234.891.576
2. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.728.263.327	4.171.260.003
3. Thu nhập khác	31	15.806.926.954	34.562.273.309
4. Chi phí khác	32	181.950.880	412.746.666
5. Lợi nhuận khác	40	15.624.976.074	34.149.526.643
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.535.295.762	38.467.619.590
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.907.059.152	7.693.523.918
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
9. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.628.236.610	30.774.095.672

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Linh

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Đoàn Trang

TP.HCM, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(14.120.481.044)	6.296.014.953
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		55.783.021.477	64.886.674.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.942.774.030)	(32.353.665.474)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.719.766.403	38.829.024.165
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		123.702.062.759	161.539.913.934
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>70.759.870.051</u>	<u>106.889.005.838</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Linh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Đoàn Trang

TP.HCM, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Cảnh

